



Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2013

BÁO CÁO

**Thực trạng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ
và chính sách sử dụng, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ**

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng

Thực hiện Công văn số 7791/BGTVT-KHCN ngày 02 tháng 8 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về việc cung cấp số liệu về thực trạng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ và chính sách sử dụng, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ. Trường Đại học Hàng hải Việt Nam xin báo cáo như sau:

I. Thực trạng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của Trường ĐH Hàng hải Việt Nam

1. Số lượng cán bộ khoa học và công nghệ

Số lượng cán bộ khoa học và công nghệ của Trường ĐH Hàng hải Việt Nam được thống kê theo Phụ lục 1.

2. Đánh giá về ưu điểm, hạn chế của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ

Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ của Nhà trường có có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng được nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ phục vụ ngành kinh tế biển của cả nước.

II. Tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổng hợp số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong 05 năm gần đây của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam được thống kê theo Phụ lục 2, Phụ lục 3.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ KHCN của cán bộ

- Số lượng cán bộ KH&CN thường xuyên thực hiện nhiệm vụ KH&CN tại các Khoa chuyên ngành trong Trường chiếm 80% trên tổng số đội ngũ cán bộ, giảng viên có mặt tại khoa. Trung bình mỗi người thuộc nhóm này tham gia 03 đến 04 nhiệm vụ KH&CN/năm, bao gồm các Công trình NCKH Cấp Bộ, Cấp Cơ

sở, tham gia biên soạn giáo trình tài liệu giảng dạy, viết các bài báo khoa học đăng trên Tạp chí KH&CN Hàng hải của Trường và bên ngoài.

- Số lượng cán bộ KH&CN không thường xuyên thực hiện nhiệm vụ KH&CN chiếm 20% chủ yếu là kỹ thuật viên tại các phòng thí nghiệm, thực hành ở các khoa chuyên ngành. Trung bình mỗi người thuộc nhóm này tham gia cùng đội ngũ thường xuyên thực hiện 01 đến 02 nhiệm vụ KH&CN/năm.

- Số lượng cán bộ KH&CN trong tổ chức không thực hiện nhiệm vụ KH&CN chiếm 0%.

3. Đánh giá chất lượng của các nhiệm vụ KH&CN đã thực hiện trong 05 năm gần đây

- Số lượng nhiệm vụ KH&CN có giá trị ứng dụng trong thực tiễn chiếm tỷ lệ 40% trong tổng số các nhiệm vụ KH&CN hàng năm; các công trình Nghiên cứu khoa học các cấp được thực hiện và nghiệm thu với kết quả xuất sắc và khá chiếm 90 đến 95% trên tổng số các nhiệm vụ KH&CN thực hiện.

- Số lượng các nhiệm vụ KH&CN chưa được ứng dụng chiếm 60% chủ yếu mang tính chất giới thiệu các thành tựu KH&CN đã có và đang được áp dụng hiện nay, phần còn lại tập trung vào nghiên cứu lý thuyết.

4. Nguyên nhân hạn chế của tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN

** Nguyên nhân chủ quan:*

- Cán bộ KH&CN chưa chủ động trong việc hướng các đề tài nghiên cứu khoa học gắn với nhu cầu xã hội, các công trình NCKH còn mang tính chất chung chung chưa có tính đột phá và chuyên sâu.

- Việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN chưa có sức hút đối với các cán bộ nghiên cứu khoa học trẻ.

** Nguyên nhân khách quan*

- Cơ chế chính sách đối với việc thực hiện KH&CN chưa đảm bảo điều kiện giúp cho các cán bộ có thể đầu tư thời gian và công sức vào việc nghiên cứu;

- Việc giải ngân kinh phí vẫn còn nhiều thủ tục nên tiến độ hoàn thành các công trình NCKH bị trì trệ, thiếu kinh phí để nghiên cứu.

- Công tác NCKH ứng dụng trực tiếp vào công tác tổ chức, quản lý của Bộ, ngành và cơ sở của đơn vị còn chưa nhiều. So với các công trình NCKH khác, số lượng các công trình trong lĩnh vực này còn thấp do chưa thực sự tìm được nguồn vốn đầu tư.

- Các sản phẩm thuộc công trình NCKH trong lĩnh vực tổ chức, quản lý thường là những vấn đề mới, có khác biệt đối với công tác tổ chức, quản lý hiện hành nếu không được cơ sở nhiệt tình thu nhận thì khó triển khai có hiệu quả. Do đó chưa thu hút được nhiều nhà khoa học trong lĩnh vực này.

III. Thực trạng chính sách sử dụng, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ nói chung của Nhà trường

Chính sách sử dụng, trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ của Nhà trường tập trung vào các nội dung sau:

- Về tuyển dụng: ưu tiên tuyển dụng những ứng viên có trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ và các ứng viên có các công trình NCKH đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế có khả năng ứng dụng vào thực tiễn.

- Về đào tạo: Khuyến khích giảng viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn; giảng viên đi học cao học và đi nghiên cứu sinh được miễn giảm 100% giờ lên lớp, được hưởng nguyên lương và các chế độ khác.

Nhà trường đã và đang thực hiện kế hoạch đào tạo đội ngũ bằng nhiều nguồn kinh phí và thông qua hợp tác song phương để đưa cán bộ, giảng viên có năng lực, cán bộ trẻ ra nước ngoài học tập. Nhà trường đã thành lập Viện Đào tạo sau đại học nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học có trình độ cao cho Nhà trường và cả nước. Ngoài ra trên cơ sở mối quan hệ hợp tác lâu năm của Trường với các trường đại học tại các nước: Nga, Ucraina, Ba Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc, Mỹ, Trung Quốc... Trường gửi cán bộ, giảng viên đi học tập, bồi dưỡng, trao đổi để tiếp thu nhiều kinh nghiệm để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ của Nhà trường.

- Về bổ nhiệm: cán bộ, giảng viên của Trường được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình. Đối với cán bộ, giảng viên có học hàm học vị được ưu tiên tạo điều kiện về phương tiện làm việc, nghiên cứu, được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của các đơn vị trong Trường.

- Về tiền lương, phụ cấp và hỗ trợ thu nhập: hàng tháng Nhà trường hỗ trợ thêm cho mỗi cán bộ, giảng viên hai lần tiền lương tối thiểu.

- Về các hình thức động viên, khen thưởng: Nhà trường luôn khen thưởng kịp thời những cán bộ, giảng viên đi học nghiên cứu sinh hoàn thành đúng tiến độ và các cán bộ, giảng viên có những công trình khoa học có hiệu quả thực tiễn, đóng góp vào sự phát triển của Trường.


- Nhà trường đang xây dựng phương án thành lập Viện Nghiên cứu phát triển nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học của Trường phát huy khả năng nghiên cứu khoa học, phát minh sáng kiến phục vụ cho sự nghiệp đào tạo và phát triển kinh tế biển của đất nước.

Các chính sách trên đã mang lại các hiệu quả thiết thực, một mặt vừa thu hút được các cán bộ nghiên cứu có trình độ cao về công tác tại Trường mặt khác tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ khoa học của Nhà trường phát huy được hết khả năng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác NCKH của Nhà trường (số lượng các đề tài NCKH các cấp đều tăng hàng năm - số liệu thống kê tại Phụ lục 2).

IV. Kiến nghị và đề xuất để nâng cao hiệu quả sử dụng và trọng dụng cán bộ khoa học và công nghệ nói chung

- Cần có các cơ chế chính sách hợp lý để các cán bộ khoa học có thể đầu tư thời gian và công sức vào việc nghiên cứu khoa học, phát minh sáng kiến.

- Giảm bớt các thủ tục hành chính để cán bộ khoa học có điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

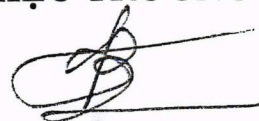
Trường Đại học Hàng hải Việt Nam xin báo cáo và kính mong được sự quan tâm chỉ đạo của Quý Bộ. / 

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHCN.

HIỆU TRƯỞNG



SỐ LƯỢNG CÁN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013)

(Kèm theo Công văn số 871 /ĐH-HVN ngày 16 tháng 8 năm 2013 của Trường ĐH Hàng hải Việt Nam)

(Đơn vị tính: Số lượng)

TT	Phân loại cán bộ		Độ tuổi (số lượng)			Tổng số
			<=35	36-50	>50	
1	Theo học hàm	Giáo sư	0	0	1	1
		Phó Giáo sư	0	5	17	22
2	Theo học vị	Tiến sĩ khoa học & Tiến sĩ	13	39	37	89
		Thạc sĩ	246	113	45	404
		Đại học	183	16	27	226
3	Theo ngạch viên chức	Nghiên cứu viên cao cấp				
		Nghiên cứu viên chính				
		Nghiên cứu viên				
		Kỹ sư cao cấp				
		Kỹ sư chính				
		Kỹ sư	43	10	0	53
		Giảng viên cao cấp	0	0	7	7
		Giảng viên chính	0	55	68	123
		Giảng viên	396	101	34	531
		Ngạch khác	2	3	0	5

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG ĐH HÀNG HẢI VIỆT NAM

Phụ lục 3

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Trong 05 năm gần đây)

(Kèm theo Công văn số 871/ĐH-HHVN ngày 16 tháng 11 năm 2013 của Trường ĐH Hàng hải Việt Nam)

(Đơn vị tính: Số lượng)

TT	Nội dung	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
1	Số sáng chế được cấp					1
2	Số giải pháp hữu ích được cấp					
3	Số sách chuyên đề, giáo trình đã xuất bản	6	6	4	2	4
4	Số bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước	80	86	88	99	55
5	Số bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành quốc tế					
6	Số báo cáo khoa học tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế					
7	Số đề án nghiên cứu chính sách được phê duyệt					
8	Số văn bản pháp quy chủ trì soạn thảo đã được ban hành					